TÓM TẮT BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN TRÊN XE

Quy tắc bảo hiểm áp dụng	Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe ô tô ban hàn kèm theo quyết định số 1686/QĐ-PHH ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
Phạm vi bảo hiểm	1. BIC nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Người được bảo hiểm phải bồi thường cho chủ hàng về những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe theo quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định khác của pháp luật trong những trường hợp xe bị: đâm, va, lật, đổ, rơi toàn bộ; chìm; hoả hoạn, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào; mất cắp, mất cướp toàn bộ xe; bão, lũ, lụt, sụt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần. 2. Ngoài ra, BIC còn thanh toán cho Người được bảo hiểm các chi phí cần thiết, hợp lý nhằm: - Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất thêm cho hàng hóa; - Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hóa trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn. 3. BIC mở rộng phạm vi bồi thường trong trường hợp hàng hóa của chính chủ xe. Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường thuộc phạm vi bảo hiểm của BIC không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trên HĐBH.
Các điểm loại trừ	BIC không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau: 1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, lái xe, những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, chiếm hữu, khai thác, sử dụng xe ô tô, thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm. 2. Tại thời điểm xảy ra tổn thất, xe đang hoạt động nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới (gọi tắt là Đăng kiểm) hợp lệ hoặc Đăng kiểm không còn hiệu lực, không phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc thông số kỹ thuật thực tế của xe không trùng khớp với thông số kỹ thuật ghi trên Đăng kiểm (trừ các trường hợp thay đổi thông số lốp và/hoặc đường kính lazang của xe phù hợp với thông số kỹ thuật theo khuyến cáo của nhà sản xuất) trừ trường hợp có thỏa thuận khác. 3. Lái xe không đủ điều kiện về độ tuổi theo quy định của Luật giao thông đường bộ, lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe ô tô bắt buộc phải có Giấy phép lái xe (Giấy phép lái xe bao gồm: Giấy phép lái xe, bằng hoặc chứng chỉ nghề điều khiển thiết bị chuyên dùng). Trường hợp lái xe ô tô bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe ô tô có thời hạn hoặc không thời hạn, hoặc bị tạm giữ Giấy phép lái xe ô tô mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng lái xe không đến giải quyết thì được coi là không có Giấy phép lái xe ô tô. 4. Lái xe ô tô trong tình trạng có nồng độ cồn vượt quá 50mg/100ml

	máu hoặc 0,25mg/1 lít khí thở; hoặc sử dụng ma túy, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật. 5. Xe ô tô đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều (đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều"), rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe ô tô đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định, xe ô tô dừng, đỗ, lùi trái quy định trên cầu hoặc trên đường cao tốc bao gồm cả đường ra, vào đường cao tốc (trừ trường hợp bất khả kháng). 6. Xe hoạt động, dừng, đỗ trong phạm vi an toàn của đường sắt theo quy định của pháp luật hiện hành. 7. Đua xe ô tô (hợp pháp hoặc trái phép) hoặc xe ô tô được bảo hiểm dùng để kéo xe ô tô khác không tuân thủ quy định của pháp luật. 8. Xe ô tô chở hàng trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa. 9. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ khi có thỏa thuận khác. 10. Tổn thất phát sinh từ chiến tranh, khủng bố. 11. Xe ô tô chở quá tải trọng, cẩu quá tải trọng, kéo quá khối lượng kéo theo cho phép hoặc chở quá số lượng người (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) trên 50% theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới. 12. Xe chạy vượt quá 50% tốc độ cho phép theo quy định của pháp luật. 13. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe thiếu trách nhiệm trong việc trông coi, bảo quản hàng hóa. 14. Xe không thích hợp với loại hàng chuyên chở. 15. Hàng bị thiếu, mất cắp, trộm cướp (trừ trường hợp mất hàng hóa cùng với mất cắp, mất cướp toàn bộ xe). 16. Hàng hoá lưu thông trái phép; hàng bị cơ quan chức năng thu giữ, bắt giữ hoặc trưng dụng xe. 17. Hàng hóa bị hư hỏng do chậm trễ, trừ trường hợp chậm trễ do tai nạn. 18. Hàng hóa hư hỏng tự nhiên; hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói, chất xếp hàng không đúng theo yêu cầu kỹ thuật; hư hỏng do bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do các nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm. 19. Giao hàng chậm trễ, giao hàng không đúng người nhận; giao thiếu, sai thể loại, sai quy cách, sai mã ký hiệu. 20. Hàng hóa bị cháy không phải do lỗi của bên vận chuyển; súc vật sống bị chết do thời tiết hoặc dịch bệnh. 21. Tổn thất hay thiệt hại đối với những tài sản đặc biệt: vàng; bạc; đá quý; tiền; các loại giấy tờ có giá; đồ cổ; tranh ảnh quý hiếm; tài liệu thiết kế; thi hài, hài cốt; sinh vật cảnh (trừ khi có thỏa thuận khác). 22. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại, những thiệt hại mang yếu tố tinh thần, thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra.

Giảm trừ bồi thường	BIC thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây: 1. Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau: 1.1. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không thông báo tổn thất cho BIC bằng văn bản hoặc khai báo điện tử trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng); 1.2. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, không bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho BIC (trừ trường hợp bất khả kháng). 1.3. Lái xe vi phạm vượt quá tốc độ cho phép (từ 20% đến 50%); 2. Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau: 2.1. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe ô tô không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với BIC để yêu cầu người thứ ba bồi hoàn hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho BIC. 2.2. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó. 3. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải (đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới. 4. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường: khi Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, BIC sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất. 5. Nguyên tắc áp dụng giảm trừ bồi thường và khấu trừ: nếu thiệt hại thuộc trường hợp áp dụng đồng thời giảm trừ bồi thường quy định tại Điều 32, mức khấu trừ tại Điều 33 quy định trên HĐBH thì thứ tự áp dụng như sau: áp dụng mức khấu trừ tại Điều 33 và cuối cùng áp dụng giảm trừ bồi thường tại Điều 32. 6. Ngoài các trường hợp nêu trên, trong từng trường hợp cụ thể, nếu chủ xe/người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tại Điều 5 Quy tắc bảo hiểm này thì BIC có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường tùy theo mức độ vi phạm của chủ xe/lái xe.